TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **74/**2020/DS-ST
Ngày: 30-12-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Xuân Đạm

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai -Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2020/TLST – DS ngày 04 tháng 6 năm 2020, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/QĐST-DS ngày 18/11/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/QĐST-DS ngày 09/12/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Ông Trần Khắc N, sinh năm 1936 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã Lộc Đ, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn**:

Ông Vi Văn T1, sinh năm 1952. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã Lộc Đ, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Ông Lê Thanh D, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã Lộc Đ, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2020 của nguyên đơn ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vi Văn T1 trình bày:

Ngày 8.2.2019 âm lịch (tức ngày 13/3/2019 dương lịch), vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T có cho ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B vay số tiền 10.000.000đồng và 01 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn có giấy viết tay do bà B viết. Thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 8.2.2019 âm lịch (tức ngày 13/3/2019 dương lịch) đến 8.2.2020 âm lịch (tức ngày 01/3/2020 dương lịch) ông D và bà B phải trả cho vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T hết số tiền nợ gốc và vàng. Lãi suất thỏa thuận là 1.5%/tháng, lãi trả hàng tháng, vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T đã nhận đủ số tiền lãi hàng tháng của ông D bà B. Đến ngày 08.2.2020 âm lịch (tức ngày 01/3/2020 dương lịch) ông D và bà B không trả được tiền gốc và số vàng nên có mượn thêm bà T số tiền 10.000.000đồng hẹn khi nào ông D và bà B bán đất thì trả hết tiền nợ gốc và vàng cho vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T. Lãi suất thỏa thuận là 1.5%/tháng, lãi trả hàng tháng, vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T đã nhận đủ số tiền lãi hàng tháng của ông D và bà B. Ngày 30/5/2019 âm lịch (tức ngày 02/7/2019 dương lịch) ông D và bà B tiếp tục đến vay tiền của vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T với số tiền là 50.000.000đồng hẹn đến ngày 30/11/2019 âm lịch (tức ngày 25/12/2019 dương lịch) sẽ trả cho vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T số tiền này. Lãi suất thỏa thuận là 1.5%/tháng, lãi trả hàng tháng, vợ chồng ông N và bà T đã nhận đủ số tiền lãi hàng tháng của ông D bà B. Đến ngày 30/11/2019 âm lịch (tức ngày 25/12/2019 dương lịch) ông D và bà B không trả được nợ cho vợ chồng ông N và bà T nên có đến đề nghị vợ chồng vợ chồng ông N và bà T cho gia hạn đến tháng 6/2020 âm lịch sẽ trả tiền.

Sau đó vợ chồng ông N và bà T biết tin vợ chồng ông D và bà B đã bán đất nhưng không trả tiền cho vợ chồng ông N và bà T, nên ngày 09/3/2020 vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T có chốt lại số nợ với vợ chồng ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B vay số tiền 255.000.000đồng và 01 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn, khi vay có làm giấy tờ viết tay, (trong số tiền 255.000.000đồng gồm: 20.000.000đồng tiền gốc của giấy mượn tiền ngày 08/02/2019 âm lịch, 50.000.000đồng tiền gốc của giấy mượn tiền ngày 30/5/2019 âm lịch và 185.000.000đồng là tiền vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T đưa cho bà B và ông D trả nợ cho ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra giao cho vợ chồng ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T để làm tin. Khi đi trả tiền nợ cho ngân hàng bà T đã đưa cho vợ chồng bà B và ông D số tiền 185.000.000đồng gồm: 170.000.000đồng tiền gốc và 15.000.000đồng tiền lãi).

Thời hạn vay từ ngày 09/3/2020 đến ngày 09/10/2022 phải trả mỗi tháng 10.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi theo ngân hàng. Tuy nhiên, cho đến nay bà B và ông D vẫn chưa trả cho vợ chồng ông N và bà T số tiền nào. Nay ông N và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D và bà B phải trả số tiền nợ gốc là 255.000.000đồng, tiền lãi đối với số tiền gốc đã vay là 255.000.000đồng, với lãi suất là 0.83%/tháng, tính từ ngày 09/3/2020 đến ngày 09/12/2020 là 9 tháng, cụ thể như sau: 255.000.000đồng x 0.83%/tháng x 9 tháng = 19.048.500 đồng. Không yêu cầu trả tiền lãi của số tiền 255.000.000đồng tính từ ngày 10/12/2020 đến ngày 30/12/2020. Yêu cầu bà B và ông D trả cho ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T số vàng đã vay là 1 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn và rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu tính lãi suất đối với số vàng cho vay.

Đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D và bà B khi ông D và bà B đã trả xong toàn bộ số tiền và vàng còn nợ cho vợ chồng ông N và bà T tại giai đoạn thi hành án dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B vắng mặt: Mặc dù ông D và bà B đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông D và bà B vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến hoặc đơn phản tố của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật.

** Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T.

+ Buộc ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 274.048.500đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 255.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 09/3/2020 đến ngày 09/12/2020 là 19.048.500 đồng) và 01 cây vàng 9999.

+ Buộc ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00588 cấp ngày 12/11/2009 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01308 cấp ngày 10/4/2015 cấp cho ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B cho ông D và bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B trả số tiền nợ gốc là 255.000.000 đồng, tiền lãi là 19.048.500 đồng và 01 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn. Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B cư trú tại xã Lộc Đ, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông D và bà B vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến hoặc đơn phản tố của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T1 hành xét xử vắng mặt ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T:

Theo bà Nguyễn Thị T thì nguồn gốc của giấy viết tay có tiêu đề *"Giấy mượn tiền"* đề ngày 09/3/2020 có chữ ký và chữ viết của người cho mượn mang tên Trần Khắc N và Nguyễn Thị T, cùng chữ ký và chữ viết của người mượn tiền mang tên Lê Thanh D và Nguyễn Thị B là xuất phát từ số tiền và vàng mà ông D và bà B đã vay của ông N và bà T vào các ngày 8.2.2019 âm lịch (tức ngày 13/3/2019 dương lịch) và ngày 30/5/2019 âm lịch (tức ngày 02/7/2019 dương lịch), cùng với số tiền mà bà T và ông N đã đưa cho bà B để bà B thanh toán hợp đồng tín dụng mà bà B và ông D đã ký với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Lộc Ninh Tây Bình Phước – Phòng giao dịch Lộc Thái với số tiền 185.000.000đồng. Sau khi lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông D và bà B đã giao cho vợ chồng ông Trần Khắc N và Nguyễn Thị T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay ông N và bà T

vẫn đang lưu giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Theo giấy viết tay có tiêu đề *"Giấy mượn tiền"* đề ngày 09/3/2020 có chữ ký và chữ viết của người cho mượn mang tên Trần Khắc N và Nguyễn Thị T, cùng chữ ký và chữ viết của người mượn tiền mang tên Lê Thanh D và Nguyễn Thị B. Trong giấy mượn tiền nêu trên, các bên có thỏa thuận nội dung như sau: *"...hôm nay ngày 9/3/2020 vợ chồng tôi có mượn ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T ngụ tại ấp 1, xã Lộc Đ, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước số tiền là bằng chữ hai trăm năm mươi lăm triệu và một cây vàng 9999 với điều kiện vợ chồng chúng tôi phải giao sổ đỏ tức là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T giữ để làm chứng Thời hạn là từ ngày 9/3/2020 đến ngày 10/10/2022 phải trả mỗi tháng 10 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi theo ngân hàng đến thời hạn phải trả hết số tiền vay trên ..."*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã T1 hành xác minh tại Công an xã Lộc Đ thì hiện nay ông D và bà B vẫn đang làm ăn và sinh sống tại nhà ở ấp 2, xã Lộc Đ. Tòa án đã thông báo, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông D và bà B vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến hoặc đơn phản tố của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, để có cơ sở giải quyết vụ án, nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B trong giấy mượn tiền nêu trên. Tòa án đã thu thập mẫu chữ viết và chữ ký của ông D và bà B được ký và chứng thực tại Văn phòng công chứng Vi Văn T1 vào ngày 30/10/2019 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị T và bên vay là ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B, đồng thời trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B tại Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận giám định:

"1. Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị B, chữ viết họ tên "Nguyễn Thị B" tại mục "Người mượn tiền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị B, chữ viết họ tên "Nguyễn Thị B" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký đứng tên Lê Thanh D, chữ viết họ tên "Lê Thanh D" tại mục "Người mượn tiền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Lê Thanh D, chữ viết họ tên "Lê Thanh D" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký, viết ra."

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định vào ngày 09/3/2020 vợ chồng ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B có thỏa thuận vay của ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T chốt lại số tiền mà bà T ông N đã cho bà B và ông D vay nhiều lần với tổng số tiền là 255.000.000đồng và 01 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn, thời hạn vay từ ngày 09/3/2020 đến ngày 10/10/2022, mỗi tháng ông D và bà B phải trả mỗi tháng 10.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi theo ngân hàng. Nhưng

đến trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện vụ án này thì bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận nêu trên. Vì vậy, Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận trong hợp đồng nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền và vàng cho nguyên đơn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu về tính tiền lãi như sau: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng đối với số tiền 255.000.000đồng và giá trị 1 cây vàng là 45.000.000đồng. Tuy nhiên, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông D và bà B phải trả tiền lãi đối với số tiền gốc đã vay là 255.000.000đồng với lãi suất là 0.83%/tháng cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính từ ngày 09/3/2020 cho đến ngày 09/12/2020 là 9 tháng, cụ thể như sau: 255.000.000đồng x 0.83%/tháng x 9 tháng = 19.048.500 đồng. Đối lãi suất của số vàng cho vay thì nguyên đơn xin rút phần lãi suất này và không tính lãi suất đối với số vàng.

Xét yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn: Do có thỏa thuận về lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn tại giấy mượn tiền đề ngày 09/3/2020 nhưng không xác định chính xác lãi suất là bao nhiêu của số tiền cho vay, do các bên chỉ xác định lãi xuất theo ngân hàng nhưng không chỉ rõ lãi suất theo ngân hàng nào và tại thời điểm nào, bên cạnh đó phía bị đơn cũng vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay có đơn phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, trường hợp này được xem là có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ. Tức là mức lãi suất không vượt quá 10%/năm của khoản tiền vay. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 0.83%/tháng của số tiền vay 255.000.000đồng, tính từ ngày 09/3/2020 đến ngày 09/12/2020 là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi của số tiền 255.000.000đồng tính từ ngày 10/12/2020 đến ngày 30/12/2020 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu về tính tiền lãi của 01 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn, do nguyên đơn rút yêu cầu tính tiền lãi của 01 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những căn cứ nêu trên, cần buộc ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 274.048.500đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 255.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 09/3/2020 cho đến ngày 09/12/2020 là 19.048.500 đồng) và 01 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn.

Đối với việc nguyên đơn ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T hiện nay đang giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00588 cấp ngày 12/11/2009

và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01308 cấp ngày 10/4/2015 của ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B. Theo thỏa thuận trong giấy mượn tiền ngày 09/3/2020 có nội dung: "*Vợ chồng chúng tôi phải giao sổ đỏ tức là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T giữ để làm chứng"*.

Căn cứ khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai 2013 quy định: *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất"*.

Như vậy, các bên có thỏa thuận về việc giao nhận giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mục đích để làm chứng cho các bên thực hiện việc giao dịch mà không nhằm mục đích cầm cố, thế chấp hay cầm giữ tài sản... Theo quy định của pháp luật nêu trên thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00588 cấp ngày 12/11/2009 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01308 cấp ngày 10/4/2015 của ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B tại giai đoạn thi hành án dân sự. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả lại cho ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B 02 giấy chứng nhận trên tại giai đoạn thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận (số tiền được chấp nhận là 274.048.500đồng và giá trị 01 cây vàng 9999 được quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử là: 55.100.000đồng). Như vậy, số tiền án phí ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B phải liên đới chịu là 16.457.425đồng. Ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh.

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 160, 161 của Bộ luật tố tụng dân sự

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ viết là 5.000.000đồng. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 160, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 288, 423, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T 01 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn và số tiền 274.048.500đồng (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng)*, trong đó: Tiền nợ gốc là 255.000.000 đồng, tiền lãi là 19.048.500 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền lãi của 01 cây vàng 9999 loại vàng nhẫn tròn của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00588 cấp ngày 12/11/2009 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01308 cấp ngày 10/4/2015 cho vợ chồng ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B tại giai đoạn thi hành án dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước trả lại cho ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T số tiền 7.725.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000971 ngày 04/6/2020.

Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.457.425đồng *(Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).*

3/ Về chi phí tố tụng: Ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền chi phí giám định. Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B phải liên đới chịu tiền chi phí giám định. Ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B phải hoàn trả lại cho ông Trần Khắc N và bà Nguyễn Thị T số tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*

4/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Quyết